

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt
Công ty thành viên của JPA International
Địa chỉ đăng ký : 33 Phan Văn Khỏe, Phường Chợ Lớn, Tp. HCM
Chi nhánh Đà Nẵng : 16 Lê Lai, Phường Hải Châu, TP Đà Nẵng
Email : contact@vietvalues.com Website : www.vietvalues.com



BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

CHO KỲ KẾ TOÁN TỪ NGÀY 01/01/2026 ĐẾN NGÀY 30/06/2026

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Ban điều hành	02 – 04
2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	05 – 06
3. Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30/06/2026	07 – 08
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026	09
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026	10
6. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026	11 – 48

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Địa chỉ: Thôn Bình An, xã Chân Mây – Lăng Cô, Thành phố Huế

Báo cáo của Ban Điều hành

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Cảng Chân Mây (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026.

1. Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Cảng Chân Mây là công ty cổ phần được cổ phần hóa theo Quyết định số 3932/QĐ-BGTVT ngày 17/10/2014 của Bộ Giao thông Vận tải từ Công ty TNHH Một thành viên Cảng Chân Mây. Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3300515171 ngày 26/06/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế cấp, Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý có liên quan. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 12 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 21/07/2025.

Cổ phiếu của Công ty đã đăng ký và được cấp mã chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam tại Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 117/2015/GCNCP-VSD ngày 01/12/2015 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và hiện nay đang niêm yết trên sàn UPCoM với mã chứng khoán là CMP.

Vốn điều lệ: 324.054.150.000 đồng

Vốn góp thực tế tính đến ngày 30/06/2026: 324.054.150.000 đồng

2. Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Thôn Bình An, xã Chân Mây - Lăng Cô, Thành phố Huế, Việt Nam

Điện thoại : (+84) 234 – 3 891 841

Fax: : (+84) 234 – 3 891 838

3. Ngành nghề kinh doanh

- Vận tải hành khách ven biển và viễn dương;
- Sửa chữa thiết bị điện;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác);
- Sửa chữa thiết bị khác;
- Sản xuất, truyền tải, phân phối điện;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Dịch vụ cung ứng tàu biển;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Địa chỉ: Thôn Bình An, xã Chân Mây – Lăng Cô, Thành phố Huế

Báo cáo của Ban Điều hành

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

4. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

4.1 Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Tiến Đạt	Chủ tịch	31 tháng 10 năm 2025	
Ông Huỳnh Văn Toàn	Thành viên	31 tháng 10 năm 2025	
Ông Lê Chí Phai	Thành viên	31 tháng 10 năm 2025	

4.2. Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Phan Tuấn Anh	Trưởng ban	06 tháng 11 năm 2025	
Ông Nguyễn Công Định	Thành viên	31 tháng 10 năm 2025	
Ông Đoàn Quang Vũ	Thành viên	31 tháng 10 năm 2025	

4.3. Ban điều hành

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Huỳnh Văn Toàn	Tổng Giám đốc	31 tháng 10 năm 2025	
Ông Nguyễn Thành Công	Phó Tổng Giám đốc	23 tháng 09 năm 2025	
Ông Nguyễn Văn Chương	Phó Tổng Giám đốc	23 tháng 09 năm 2025	
Bà Hồ Hoàng Thi	Phó Tổng Giám đốc	23 tháng 09 năm 2025	
Ông Lê Chí Phai	Phó Tổng Giám đốc	23 tháng 09 năm 2025	
Ông Ngô Khánh Toàn	Kế toán trưởng	23 tháng 09 năm 2025	

5. Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Huỳnh Văn Toàn, chức vụ Tổng Giám đốc Công ty.

6. Đánh giá tình hình hoạt động

Kết quả hoạt động và tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cảng Chân Mây cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 được thể hiện trong Báo cáo tài chính giữa niên độ từ trang 07 đến trang 48.

7. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Theo ý kiến của Ban Điều hành, Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Cảng Chân Mây cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc kỳ kế toán cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Địa chỉ: Thôn Bình An, xã Chân Mây – Lăng Cô, Thành phố Huế

Báo cáo của Ban Điều hành

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

8. Kiểm toán viên

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026 của Công ty.

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng - **VIETVALUES** bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

9. Trách nhiệm của của Ban Điều hành

Ban Điều hành chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Điều hành đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Điều hành chịu trách nhiệm đảm bảo các sổ kế toán có liên quan, thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Điều hành cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

10. Phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ

Ban Điều hành phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Điều hành,

HUYNH VĂN TOÀN

Tổng Giám đốc

Thành phố Huế, ngày 06 tháng 08 năm 2026.



Số: 25/2026/BCKT/AUD-DNVVALUES

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Cảng Chân Mây (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 06/08/2026, từ trang 07 đến trang 48, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30/06/2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc kèm theo.

Trách nhiệm của Ban điều hành

Ban điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không nhận thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2026, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026 theo các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tp. Đà Nẵng, ngày 06 tháng 08 năm 2026

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES)



Huỳnh Minh Hưng - Giám đốc Chi nhánh

Giấy CNDKHN số: 3402-2025-071-1

Chữ ký được ủy quyền

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu VIETVALUES.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Địa chỉ: Thôn Bình An, Xã Chân Mây - Lăng Cô, Thành phố Huế, Việt Nam

Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

ĐVT: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		206.060.520.935	171.118.538.289
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	101.631.939.255	95.314.106.679
1. Tiền	111		32.342.235.146	28.111.153.710
2. Các khoản tương đương tiền	112		69.289.704.109	67.202.952.969
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		18.091.627.397	23.142.294.291
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	V.2	18.091.627.397	23.142.294.291
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		77.542.140.729	44.745.553.215
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	51.987.207.209	23.148.259.155
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	5.324.912.941	3.779.239.382
3. Phải thu ngắn hạn khác	135	V.5	21.553.247.611	19.141.281.710
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	136	V.6	(1.323.227.032)	(1.323.227.032)
IV. Hàng tồn kho	140		6.256.608.402	6.091.042.765
1. Hàng tồn kho	141	V.7	6.256.608.402	6.091.042.765
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		-	-
V. Tài sản sinh học ngắn hạn	150		-	-
VI. Tài sản ngắn hạn khác	160		2.538.205.152	1.825.541.339
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	V.8a	248.044.704	264.115.027
2. Thuế GTGT được khấu trừ	162		355.099.510	1.064.589.507
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	V.15	1.935.060.938	496.836.805
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		509.299.947.041	517.462.120.989
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	1.365.795.426
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	1.365.795.426
II. Tài sản cố định	220		472.360.116.368	483.400.444.969
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	471.590.201.184	482.464.897.601
- Nguyên giá	222		1.064.901.550.226	1.058.318.768.780
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(593.311.349.042)	(575.853.871.179)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	769.915.184	935.547.368
- Nguyên giá	228		2.139.974.785	2.108.174.785
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(1.370.059.601)	(1.172.627.417)
III. Tài sản sinh học dài hạn	230		-	-
IV. Bất động sản đầu tư	240		-	-
V. Tài sản dở dang dài hạn	250		22.274.410.002	15.974.297.743
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	251		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252	V.11	22.274.410.002	15.974.297.743
VI. Đầu tư tài chính dài hạn	260		-	-
VII. Tài sản dài hạn khác	270		14.665.420.671	16.721.582.851
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	V.8b	14.665.420.671	16.721.582.851
2. Tài sản dài hạn khác	274		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280 = 100 + 200)	280		715.360.467.976	688.580.659.278

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Địa chỉ: Thôn Bình An, Xã Chân Mây - Lăng Cô, Thành phố Huế, Việt Nam

Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		327.550.432.223	311.676.132.232
I. Nợ ngắn hạn	310		133.035.677.752	114.897.470.792
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	16.954.916.459	10.333.535.017
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13a	638.074.376	461.632.402
3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313	V.14	27.332.824.825	27.332.824.825
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	V.15	5.064.819.816	5.389.850.872
5. Phải trả người lao động	315	V.16	29.798.637.011	21.258.343.919
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	V.17	3.396.138.538	2.161.343.100
7. Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	319	V.18	3.344.241.899	201.764.943
8. Phải trả ngắn hạn khác	320	V.19	19.605.283.853	18.148.723.820
9. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	V.20a	9.770.000.000	19.540.000.000
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	322	V.21	5.950.000.000	6.657.406.087
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.22	11.180.740.975	3.412.045.807
II. Nợ dài hạn	330		194.514.754.471	196.778.661.440
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	V.13b	52.853.485.218	55.117.392.187
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước dài hạn	333		-	-
4. Chi phí phải trả dài hạn	334		-	-
5. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339	V.20b	141.661.269.253	141.661.269.253
D- NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		387.810.035.753	376.904.527.046
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.23	387.810.035.753	376.904.527.046
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		324.054.150.000	324.054.150.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		324.054.150.000	324.054.150.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		38.547.033.939	29.020.036.947
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		25.208.851.814	23.830.340.099
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	420a		5.252.695.965	12.847.620
- LNST chưa phân phối năm nay	420b		19.956.155.849	23.817.492.479
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		715.360.467.976	688.580.659.278

Thành phố Huế, ngày 06 tháng 08 năm 2026

Người lập biểu



BÙI THỊ NGỌC LINH

Kế toán trưởng



NGÔ KHÁNH TOÀN

Tổng Giám đốc



HUỲNH VĂN TOÀN

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Địa chỉ: Thôn Bình An, Xã Chân Mây - Lăng Cô, Thành phố Huế, Việt Nam

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

ĐVT: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	238.480.347.664	187.895.524.498
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		238.480.347.664	187.895.524.498
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	175.905.259.356	132.702.986.362
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		62.575.088.308	55.192.538.136
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	VI.3	1.072.107.473	801.823.001
8. Chi phí tài chính	23	VI.4	6.170.854.204	6.354.917.208
- Trong đó: Chi phí lãi vay	24		6.170.854.204	6.354.917.208
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	988.570.746	1.485.543.726
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	31.549.265.259	28.988.802.803
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		24.938.505.572	19.165.097.400
12. Thu nhập khác	31	VI.7	92.756.822	313.981.324
13. Chi phí khác	32	VI.8	10.358.728	506.531.377
14. Lợi nhuận khác	40		82.398.094	(192.550.053)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		25.020.903.666	18.972.547.347
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	5.064.747.817	4.248.044.682
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	(560.000.000)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		19.956.155.849	15.284.502.665
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9a	382	292
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9b	382	292

Người lập biểu



BÙI THỊ NGỌC LINH

Kế toán trưởng



NGÔ KHÁNH TOÀN

Thành phố Huế, ngày 06 tháng 08 năm 2026



Tổng Giám đốc

HUỲNH VĂN TOÀN

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Địa chỉ: Thôn Bình An, Xã Chân Mây - Lăng Cô, Thành phố Huế, Việt Nam

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

ĐVT: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1	2	3	4	5
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		25.020.903.666	18.972.547.347
2. Điều chỉnh cho các khoản			22.060.749.191	19.158.700.073
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02	V.9, V.10	17.654.910.047	17.813.956.416
- Các khoản dự phòng	03		(707.406.087)	(4.225.632.865)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.3	(428.519)	(10.146.220)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05	VI.3	(1.057.180.454)	(774.394.466)
- Chi phí đi vay	06	VI.4	6.170.854.204	6.354.917.208
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		47.081.652.857	38.131.247.420
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(32.896.981.326)	(8.081.469.719)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(165.565.637)	1.817.983.120
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		20.303.828.071	4.949.434.859
- Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12		2.072.232.503	2.286.844.958
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Chi phí đi vay đã trả	14		(6.216.708.309)	(6.517.969.573)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.15	(5.389.778.873)	(3.470.560.361)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.281.951.974)	(157.225.633)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		23.506.727.312	28.958.285.071
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(13.527.170.603)	(2.768.686.063)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(10.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		5.000.000.000	20.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.021.096.208	794.249.260
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(7.506.074.395)	8.025.563.197
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	VII.1	(9.770.000.000)	(9.770.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(5.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(9.770.000.000)	(14.770.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		6.230.652.917	22.213.848.268
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1	95.111.153.710	67.275.325.755
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		428.519	10.146.220
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		101.342.235.146	89.499.320.243

Người lập biểu

BÙI THỊ NGỌC LINH

Kế toán trưởng

NGÔ KHÁNH TOÀN

Thành phố Huế, ngày 06 tháng 08 năm 2026

Tổng Giám đốc



HUYỀN VĂN TOÀN

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Địa chỉ: Thôn Bình An, xã Chân Mây – Lăng Cô, Thành phố Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026 của Công ty Cổ phần Cảng Chân Mây (sau đây gọi tắt là “Công ty”)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cảng Chân Mây (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được cổ phần hóa theo Quyết định số 3932/QĐ-BGTVT ngày 17/10/2014 của Bộ Giao thông Vận tải từ Công ty TNHH Một thành viên Cảng Chân Mây. Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3300515171 ngày 26/06/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế cấp, Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý có liên quan.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 12 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 21/07/2025.

Cổ phiếu của Công ty đã đăng ký và được cấp mã chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam tại Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 117/2015/GCNCV-VSD ngày 01/12/2015 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam với mã chứng khoán là CMP

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau như: dịch vụ cung ứng tàu biển, thương mại - dịch vụ, ...

3. Ngành nghề kinh doanh

- Bốc xếp hàng hóa;
- Vận tải hành khách ven biển và viễn dương;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Sản xuất, truyền tải, phân phối điện;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Dịch vụ cung ứng tàu biển;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong 6 tháng đầu năm 2026, nền kinh tế vĩ mô vẫn đang có dấu hiệu phục hồi, ngành Cảng và vận tải biển ở Việt Nam nhìn chung đều có dấu hiệu tăng trưởng, tuy nhiên điều kiện thời tiết 6 tháng đầu năm không ổn định, mưa gió và bão bất thường trên biển Đông đã dẫn đến sản lượng hàng hóa thông quan và các dịch vụ liên quan như hàng hải, xếp dỡ và sản lượng xăng dầu bán ra giảm so

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Địa chỉ: Thôn Bình An, xã Chân Mây – Lăng Cô, Thành phố Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)

với cùng kỳ năm trước. Bên cạnh, du lịch tại miền Trung nói chung và tại thành phố Huế nói riêng đang trên đà phát triển, lượng khách du lịch quốc tế tăng làm sản lượng dịch vụ neo đậu, lai dắt tàu tăng tương ứng. Những yếu tố tăng trưởng nhưng kèm rủi ro trên dẫn đến so với cùng kỳ năm trước doanh thu tăng 26,92% dẫn đến lợi nhuận trước thuế tăng 31,88%.

Ngoài ra, không có sự kiện về môi trường pháp lý, diễn biến thị trường, đặc điểm hoạt động kinh doanh, quản lý, tài chính, các sự kiện sáp nhập, chia, tách, thay đổi quy mô... có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty.

6. Cấu trúc Công ty

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí nghiệp Xếp dỡ Cảng Chân Mây	Thôn Bình An, xã Chân Mây – Lăng Cô, Thành phố Huế
Xí nghiệp Cơ giới Cảng Chân Mây	Thôn Bình An, xã Chân Mây – Lăng Cô, Thành phố Huế
Xí nghiệp Dịch vụ Cung ứng Tàu biển Cảng Chân Mây	Thôn Bình An, xã Chân Mây – Lăng Cô, Thành phố Huế
Văn Phòng đại diện tại thành phố Huế	Tầng 3, nhà số 130 Nguyễn Huệ, phường Thuận Hóa, TP. Huế

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 363 nhân viên đang làm việc (Đầu năm là 352 nhân viên).

8. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 Công ty áp dụng Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và các thông tư có liên quan. Việc áp dụng chế độ kế toán mới và thay đổi chính sách kế toán không ảnh hưởng trọng yếu đến số liệu so sánh trong Báo cáo tài chính.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính này là Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Địa chỉ: Thôn Bình An, xã Chân Mây – Lăng Cô, Thành phố Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan hiện hành tại Việt Nam.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển, vàng tiền tệ.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư (có thời hạn gốc không quá ba tháng), có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng, giấy tờ có giá, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi được phân loại là nợ phải trả và các khoản đầu tư khác có bản chất tương tự nhằm mục đích thu lãi định kỳ hoặc các lợi ích kinh tế khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi.

Thu nhập từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trên cơ sở dồn tích phù hợp với thời gian nắm giữ và lãi suất thực tế của khoản đầu tư. Khoản lãi được hưởng trước ngày đầu tư được ghi giảm giá gốc khoản đầu tư tại thời điểm mua.

Tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán, khi có bằng chứng khách quan cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể bị tổn thất, Công ty thực hiện trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tương ứng với phần giá trị tổn thất có thể xảy ra. Khoản trích lập hoặc hoàn nhập dự phòng được ghi nhận vào chi phí tài chính/doanh thu tài chính trong kỳ.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được phân ánh theo giá trị có thể thu hồi.

Thu nhập lãi cho vay được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trên cơ sở dồn tích phù hợp với thời gian cho vay và lãi suất thực tế.

Tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán, khi có bằng chứng khách quan cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản cho vay có thể không thu hồi được, Công ty thực hiện trích lập dự phòng tổn thất tương ứng với phần giá trị tổn thất dự kiến. Khoản trích lập hoặc hoàn nhập dự phòng được ghi nhận vào chi phí tài chính/doanh thu tài chính trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Địa chỉ: Thôn Bình An, xã Chân Mây – Lăng Cô, Thành phố Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Công ty thực hiện theo dõi chi tiết các khoản phải thu theo từng đối tượng phải thu, kỳ hạn phải thu và nguyên tệ phải thu phù hợp với yêu cầu quản lý.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua - bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ, thanh lý hoặc nhượng bán tài sản giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác;
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Các khoản phải thu bằng ngoại tệ được ghi nhận và đánh giá lại theo quy định áp dụng đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, căn cứ vào kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu, Công ty thực hiện phân loại và trình bày là tài sản ngắn hạn hoặc dài hạn theo quy định hiện hành.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán hoặc chưa đến hạn thanh toán nhưng có bằng chứng cho thấy khả năng không thu hồi được một phần hoặc toàn bộ khoản nợ.

Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán được thực hiện như sau:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm;
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm;
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm;
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

Đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc có bằng chứng cho thấy khó có khả năng hoặc không có khả năng thanh toán, Công ty căn cứ mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra để xác định mức trích lập dự phòng phù hợp.

Trường hợp Công ty có bằng chứng tin cậy hơn hoặc có cơ sở xác định giá trị có thể thu hồi phù hợp hơn thì Công ty có thể áp dụng phương pháp khác để xác định mức dự phòng phải thu khó đòi theo quy định hiện hành.

Việc trích lập hoặc hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi được thực hiện tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Khoản trích lập hoặc hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

Đối với các khoản nợ phải thu khó đòi đã được xử lý xóa sổ nhưng sau đó thu hồi được, số tiền thu hồi được ghi nhận vào thu nhập khác.

5. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Địa chỉ: Thôn Bình An, xã Chân Mây – Lăng Cô, Thành phố Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung được phân bổ trên cơ sở mức độ hoạt động bình thường. Đối với bất động sản thành phẩm, giá gốc bao gồm chi phí quyền sử dụng đất, chi phí xây dựng, chi phí trực tiếp và các chi phí liên quan khác phát sinh trong quá trình đầu tư và hoàn thiện sản phẩm.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung phát sinh liên quan đến quá trình sản xuất, cung cấp dịch vụ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Trường hợp phù hợp với đặc điểm hoạt động của Công ty, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang có thể chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp hoặc các chi phí trực tiếp khác phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện sản xuất, kinh doanh bình thường trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Phương pháp tính giá trị và hạch toán hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền được hạch toán theo phương pháp kiểm kê thường xuyên.

Phương pháp trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, khi có bằng chứng cho thấy giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc, Công ty thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo quy định hiện hành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng loại hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được xác định theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được xác định bằng chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

Tiêu thức phân bổ nguyên liệu, vật liệu

Chi phí nguyên vật liệu, vật tư, công cụ dụng cụ và chi phí sản xuất chung được phân bổ theo tiêu thức phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và được áp dụng nhất quán giữa các kỳ kế toán. Chi phí sản xuất chung được phân bổ trên cơ sở mức độ hoạt động bình thường.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ (-) hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự kiến của Công ty như chi phí vận chuyển, bốc xếp, lắp đặt, chạy thử, lệ phí trước bạ và các chi phí liên quan trực tiếp khác. Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng mua và các khoản thuế được hoàn lại được trừ khỏi nguyên giá tài sản.

Đối với tài sản cố định hình thành từ đầu tư xây dựng cơ bản, nguyên giá bao gồm giá quyết toán công trình và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh đến thời điểm đưa tài sản vào sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Địa chỉ: Thôn Bình An, xã Chân Mây – Lăng Cô, Thành phố Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng tài sản đủ điều kiện được vốn hóa theo quy định hiện hành.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định khi các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản, như nâng cấp, cải tạo làm tăng công suất, kéo dài thời gian sử dụng hữu ích hoặc nâng cao chất lượng sản phẩm. Các chi phí sửa chữa, bảo dưỡng thường xuyên nhằm duy trì hoạt động bình thường của tài sản được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được thanh lý, nhượng bán hoặc không còn sử dụng, nguyên giá và hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ. Chênh lệch giữa giá trị còn lại của tài sản và khoản thu từ thanh lý, nhượng bán được ghi nhận vào thu nhập khác hoặc chi phí khác trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng hữu ích ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao được Công ty xem xét định kỳ và điều chỉnh khi có sự thay đổi đáng kể về cách thức thu hồi lợi ích kinh tế từ tài sản.

Thời gian sử dụng hữu ích ước tính của các nhóm tài sản như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao
Nhà cửa, vật kiến trúc	09 - 40 năm
Máy móc, thiết bị	05 - 20 năm
Phương tiện vận tải	06 - 18 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 - 12 năm

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ (-) hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự kiến, bao gồm giá mua, các khoản thuế không được hoàn lại và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ trường hợp các chi phí này thỏa mãn đồng thời điều kiện làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai của tài sản và có thể xác định một cách chắc chắn, khi đó được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định vô hình.

Khi tài sản cố định vô hình được thanh lý hoặc nhượng bán, nguyên giá và hao mòn lũy kế được xóa sổ. Chênh lệch giữa giá trị còn lại của tài sản và khoản thu từ thanh lý, nhượng bán (nếu có) được ghi nhận vào thu nhập khác hoặc chi phí khác trong kỳ.

Phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến phần mềm máy tính được vốn hóa khi phần mềm đáp ứng tiêu chuẩn ghi nhận tài sản cố định vô hình và không gắn liền với phần cứng.

Nguyên giá phần mềm máy tính bao gồm toàn bộ chi phí thực tế phát sinh để đưa phần mềm vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 03 năm.

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh toàn bộ chi phí đầu tư xây dựng, mua sắm, lắp đặt, sửa chữa lớn, nâng cấp, cải tạo TSCĐ và BĐS đầu tư chưa hoàn thành, được ghi nhận theo giá gốc và

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Địa chỉ: Thôn Bình An, xã Chân Mây – Lăng Cô, Thành phố Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)

theo dõi chi tiết theo từng công trình, hạng mục. Chỉ các chi phí trực tiếp cần thiết và đủ điều kiện vốn hóa mới được ghi tăng, bao gồm chi phí đi vay nếu đáp ứng điều kiện theo chuẩn mực liên quan; chênh lệch tỷ giá không được vốn hóa. Chi phí quản lý dự án và chi phí chung được phân bổ hợp lý theo tiêu thức phù hợp; trường hợp không thể thu hồi hoặc dự án bị hủy bỏ thì phần chênh lệch giữa chi phí và giá trị thu hồi được ghi nhận vào chi phí khác. Khi công trình hoàn thành, được nghiệm thu, toàn bộ giá trị được kết chuyển sang TSCĐ hoặc BĐS đầu tư theo mục đích sử dụng. Trong giai đoạn dở dang, tài sản không trích khấu hao. Trường hợp hoàn thành nhưng chưa phê duyệt quyết toán, doanh nghiệp ghi nhận theo giá tạm tính và điều chỉnh khi có quyết toán chính thức.

9. Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và được phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh của các kỳ tương ứng theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Chi phí chờ phân bổ của Công ty bao gồm các khoản chủ yếu sau:

- Chi phí thuê cơ sở hạ tầng, thuê hoạt động tài sản cố định phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh nhiều kỳ kế toán;
- Chi phí mua bảo hiểm và các khoản chi trả trước khác liên quan đến nhiều kỳ kế toán;
- Giá trị công cụ, dụng cụ, bao bì luân chuyển và đồ dùng cho thuê phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh nhiều kỳ kế toán;
- Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định phát sinh liên quan đến nhiều kỳ kế toán;
- Các khoản chi phí chờ phân bổ khác không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định nhưng liên quan đến nhiều kỳ kế toán.

Việc tính và phân bổ chi phí chờ phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tính chất và mức độ hưởng lợi của từng khoản chi phí, theo phương pháp đường thẳng hoặc phương pháp phù hợp khác và được áp dụng nhất quán giữa các kỳ kế toán.

Công ty theo dõi chi tiết từng khoản chi phí chờ phân bổ theo từng nội dung chi phí, thời gian phân bổ, số đã phân bổ và số còn lại chưa phân bổ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Công cụ, dụng cụ

Giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh được ghi nhận là chi phí chờ phân bổ và phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian dự kiến mang lại lợi ích kinh tế.

10. Phải trả người bán

Phải trả người bán phản ánh các khoản nợ mang tính chất thương mại phát sinh từ việc mua hàng hóa, dịch vụ, TSCĐ, BĐS đầu tư và các hợp đồng xây lắp. Khoản phải trả được ghi nhận khi doanh nghiệp có nghĩa vụ thanh toán hiện tại và được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, bao gồm cả các khoản đã ứng trước nhưng chưa nhận hàng hóa, dịch vụ hoặc khối lượng hoàn thành. Các khoản chiết khấu, giảm giá, hàng trả lại được ghi giảm công nợ tương ứng khi phát sinh.

11. Phải trả cổ tức, lợi nhuận

Phải trả cổ tức, lợi nhuận phản ánh nghĩa vụ của doanh nghiệp đối với cổ đông, thành viên góp vốn về cổ tức, lợi nhuận đã được phê duyệt phân phối nhưng chưa thanh toán. Khoản phải trả được ghi nhận khi Công ty không còn quyền từ chối nghĩa vụ chi trả theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền hoặc theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Địa chỉ: Thôn Bình An, xã Chân Mây – Lăng Cô, Thành phố Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)

12. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả phản ánh các khoản chi phí đã phát sinh trong kỳ nhưng chưa có đủ chứng từ hoặc chưa thanh toán, bao gồm chi phí hàng hóa, dịch vụ đã nhận, tiền lương, nghỉ phép, chi phí ngừng sản xuất theo kế hoạch và lãi vay phải trả trích trước. Khoản chi phí phải trả được ghi nhận khi doanh nghiệp có nghĩa vụ hiện tại và xác định được một cách đáng tin cậy giá trị phải trả, đảm bảo phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

13. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản với các nhà cung cấp là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác. Khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn thanh toán;
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản chi phí đã phát sinh trong kỳ nhưng chưa có đủ chứng từ hoặc chưa thanh toán, bao gồm chi phí hàng hóa, dịch vụ đã nhận, tiền lương, nghỉ phép, chi phí ngừng sản xuất theo kế hoạch và lãi vay phải trả trích trước. Khoản chi phí phải trả được ghi nhận khi doanh nghiệp có nghĩa vụ hiện tại và xác định được một cách đáng tin cậy giá trị phải trả, đảm bảo phù hợp giữa doanh thu và chi phí;
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Vay và nợ thuê tài chính phản ánh các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính và tình hình thanh toán các khoản gốc và nghĩa vụ liên quan theo hợp đồng vay, thuê tài chính của doanh nghiệp;
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

14. Các khoản dự phòng phải trả

Dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) phát sinh từ một sự kiện đã xảy ra, có khả năng dẫn đến sự giảm sút lợi ích kinh tế trong tương lai và giá trị nghĩa vụ có thể được ước tính một cách đáng tin cậy. Giá trị dự phòng được xác định là ước tính hợp lý nhất về khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Tại thời điểm ghi nhận và cuối kỳ kế toán, dự phòng phải trả được rà soát và điều chỉnh. Trường hợp số dự phòng cần lập lớn hơn số đã trích lập thì phân chênh lệch ghi nhận vào chi phí; ngược lại nếu thấp hơn thì được hoàn nhập ghi giảm chi phí tương ứng. Việc hoàn nhập và sử dụng dự phòng chỉ được thực hiện cho các khoản chi phí đã được trích lập trước đó và có liên quan trực tiếp đến nghĩa vụ dự phòng.

Dự phòng phải trả không bao gồm các khoản chi phí hoạt động trong tương lai hoặc các khoản lỗ dự kiến, trừ trường hợp liên quan đến hợp đồng có rủi ro lớn. Hợp đồng có rủi ro lớn là hợp đồng trong đó chi phí không thể tránh được để thực hiện nghĩa vụ vượt quá lợi ích kinh tế dự kiến thu được từ hợp đồng; khi đó nghĩa vụ hiện tại được ghi nhận như một khoản dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Địa chỉ: Thôn Bình An, xã Chân Mây – Lăng Cô, Thành phố Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)

Các khoản dự phòng thường bao gồm: dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa; dự phòng bảo hành công trình xây dựng; dự phòng tái cơ cấu doanh nghiệp; và các khoản dự phòng phải trả khác theo quy định, bao gồm cả dự phòng liên quan đến hợp đồng có rủi ro lớn và các nghĩa vụ môi trường (nếu có). Việc lập dự phòng phải dựa trên ước tính hợp lý, có căn cứ dữ liệu lịch sử và phương pháp xác định rõ ràng, đồng thời được thuyết minh đầy đủ trong Báo cáo tài chính.

15. Vay và nợ thuê tài chính

Vay và nợ thuê tài chính phản ánh các khoản vay, nợ thuê tài chính và tình hình thanh toán liên quan của doanh nghiệp.

Các khoản vay được phân loại ngắn hạn hoặc dài hạn căn cứ vào kỳ hạn còn lại ($\leq$ hoặc > 12 tháng) và nghĩa vụ thanh toán tại thời điểm báo cáo.

Nợ thuê tài chính được ghi nhận theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay (phí thu xếp, thẩm định, hồ sơ...) được phân bổ theo thời hạn vay; lãi vay tuân thủ nguyên tắc vốn hóa theo chuẩn mực liên quan.

Doanh nghiệp theo dõi chi tiết theo từng khoản vay, từng hợp đồng, từng đối tượng cho vay và kỳ hạn để phục vụ quản lý và trình bày BCTC.

16. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch, doanh thu được xác định tương đối chắc chắn theo giá trị hợp lý của các khoản được quyền nhận, sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Doanh thu không bao gồm các khoản thuế gián thu phải nộp như thuế GTGT, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu và các khoản thu hộ bên thứ ba.

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Địa chỉ: Thôn Bình An, xã Chân Mây – Lăng Cô, Thành phố Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)

- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp hợp đồng quy định khách hàng được quyền trả lại dịch vụ theo các điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi các điều kiện trả lại không còn tồn tại.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, căn cứ thời gian và lãi suất thực tế phát sinh trên số dư các khoản tiền gửi, cho vay và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Tiền bản quyền

Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng chuyển giao bản quyền.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty phát sinh quyền được nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ hoạt động đầu tư vốn. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận doanh thu tài chính, chỉ theo dõi tăng số lượng cổ phiếu thuyết minh trên Báo cáo tài chính.

18. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu phát sinh trong kỳ, bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các khoản giảm trừ doanh thu được ghi nhận phù hợp với doanh thu của giao dịch bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ.

19. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của thành phẩm đã bán, chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp và các chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn hàng bán. Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu tương ứng theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho hao hụt, mất mát và các chi phí vượt mức bình thường được ghi nhận vào giá vốn hàng bán theo nguyên tắc thận trọng. Các khoản hoàn nhập dự phòng và các khoản giảm chi phí liên quan được ghi giảm giá vốn hàng bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Địa chỉ: Thôn Bình An, xã Chân Mây – Lăng Cô, Thành phố Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)

20. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí và lỗ liên quan đến hoạt động tài chính của Công ty, bao gồm: chi phí đi vay không được vốn hóa, lỗ chuyển nhượng các khoản đầu tư tài chính, chi phí giao dịch bán chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính, chi phí mua chứng khoán kinh doanh, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh khi bán ngoại tệ hoặc đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ, các khoản chiết khấu thanh toán cho người mua, và các khoản chi phí tài chính khác phát sinh trong kỳ. Chi phí tài chính được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ các khoản được vốn hóa theo quy định.

21. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý, điều hành chung của Công ty.

22. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ khi phát sinh, trừ trường hợp được vốn hóa theo quy định. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần thời gian dài để hoàn thành và đưa vào sử dụng hoặc bán thì chi phí đi vay được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Các khoản thu nhập phát sinh từ đầu tư tạm thời các khoản vay riêng được ghi giảm chi phí đi vay được vốn hóa.

Đối với các khoản vay chung có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang, chi phí đi vay được vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa áp dụng cho chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho tài sản đủ điều kiện vốn hóa trong kỳ. Tỷ lệ vốn hóa được xác định theo lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho việc hình thành một tài sản cụ thể.

23. Bán, thanh lý TSCĐ, BĐS đầu tư

Khi bán, thanh lý tài sản cố định hoặc bất động sản đầu tư, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được ghi giảm; chênh lệch giữa thu nhập thu được và giá trị còn lại cùng các chi phí liên quan được ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

24. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành theo quy định của pháp luật thuế. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành bao gồm cả thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu (nếu có). Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các khoản chi phí không được trừ, các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển theo quy định của pháp luật thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Địa chỉ: Thôn Bình An, xã Chân Mây – Lăng Cô, Thành phố Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản, nợ phải trả và cơ sở tính thuế tương ứng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận đối với các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính áp dụng tại thời điểm tài sản được thu hồi hoặc nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ trường hợp liên quan trực tiếp đến các khoản mục được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại không được bù trừ khi ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

25. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

26. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính năm của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (ĐV TÍNH: VND)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	4.740.317.000	4.736.714.015
Tiền gửi ngân hàng	27.601.918.146	23.374.439.695
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Huế	13.190.614.033	7.646.720.959
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Huế	3.426.601.332	5.931.357.313
- Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - CN Huế	4.123.052.277	5.190.982.335
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Tài Lộc - CN Huế	4.152.174.215	863.136.877
- Các ngân hàng khác	2.709.476.289	3.742.242.211
Các khoản tương đương tiền (*)	69.289.704.109	67.202.952.969
Cộng	101.631.939.255	95.314.106.679

CÔNG TY CỔ PHẦN CĂNG CHÂN MÂY
Địa chỉ: Thôn Bình An, xã Chân Mây – Lăng Cô, Thành phố Huế
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)

(*) Các khoản tương đương tiền của Công ty bao gồm:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm			
	Giá gốc	Lãi dự thu	Cộng	Giá gốc	Lãi dự thu	Cộng
Tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng	69.000.000.000	289.704.109	69.289.704.109	67.000.000.000	202.952.969	67.202.952.969
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thừa Thiên Huế	38.000.000.000	130.893.150	38.130.893.150	38.000.000.000	90.194.521	38.090.194.521
- Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Thừa Thiên Huế	12.000.000.000	48.164.384	12.048.164.384	16.000.000.000	52.166.667	16.052.166.667
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Huế	9.000.000.000	50.001.370	9.050.001.370	6.000.000.000	14.054.795	6.014.054.795
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Thừa Thiên Huế	4.000.000.000	20.252.055	4.020.252.055	4.000.000.000	19.989.041	4.019.989.041
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Tài Lộc - CN Huế	3.000.000.000	25.947.945	3.025.947.945	3.000.000.000	26.547.945	3.026.547.945
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam - CN Huế	3.000.000.000	14.445.205	3.014.445.205	-	-	-
Cộng	69.000.000.000	289.704.109	69.289.704.109	67.000.000.000	202.952.969	67.202.952.969

CÔNG TY CỔ PHẦN CĂNG CHÂN MÂY
Địa chỉ: Thôn Bình An, xã Chân Mây – Lăng Cô, Thành phố Huế
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Chi tiêu	Số cuối kỳ				Số đầu năm			
	Giá trị ghi sổ		Giá trị có thể thu hồi		Giá trị ghi sổ		Giá trị có thể thu hồi	
	Giá gốc	Lãi dự thu	Cộng	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Lãi dự thu	Cộng	Giá trị dự phòng
Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng	18.000.000.000	91.627.397	18.091.627.397	-	23.000.000.000	142.294.291	23.142.294.291	23.142.294.291
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thừa Thiên Huế	16.000.000.000	84.394.521	16.084.394.521	-	21.000.000.000	131.185.501	21.131.185.501	21.131.185.501
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - CN Thừa Thiên Huế	2.000.000.000	7.232.876	2.007.232.876	-	2.000.000.000	11.108.790	2.011.108.790	2.011.108.790
Cộng	18.000.000.000	91.627.397	18.091.627.397	-	23.000.000.000	142.294.291	23.142.294.291	23.142.294.291

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Địa chỉ: Thôn Bình An, xã Chân Mây – Lăng Cô, Thành phố Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>51.987.207.209</i>	<i>1.311.718.032</i>	<i>23.148.259.155</i>	<i>1.311.718.032</i>
Công ty cổ phần Alpha Pi	12.998.391.126	-	1.980.383.863	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật & Logistics Sao Vàng	8.711.216.061	-	107.520.572	-
Công ty Cổ phần Than Sông Hồng	5.660.764.758	-	3.714.006.090	-
Royal Caribbean Group (sea)	615.988.214	-	2.454.634.866	-
Các khách hàng khác	24.000.847.050	1.311.718.032	14.891.713.764	1.311.718.032
Cộng	51.987.207.209	1.311.718.032	23.148.259.155	1.311.718.032

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn/dài hạn**4a. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<i>5.324.912.941</i>	<i>3.779.239.382</i>
Công ty TNHH MTV Mỹ Quang	1.115.257.600	197.257.600
Công ty TNHH Du Lịch và Trải Nghiệm Yên Việt Nam	985.783.800	-
Công ty CP Phát Triển thương mại và xây lắp Minh An	769.958.847	-
Công ty cổ phần Alpha Pi	-	2.442.181.949
Các nhà cung cấp khác	2.453.912.694	1.139.799.833
Cộng	5.324.912.941	3.779.239.382

4b. Trả trước cho người bán dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	-	<i>1.365.795.426</i>
Công ty Cổ phần Kết cấu thép và Thiết bị nâng Việt Nam	-	1.365.795.426
Cộng	-	1.365.795.426

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Địa chỉ: Thôn Bình An, xã Chân Mây – Lăng Cô, Thành phố Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)

5. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>2.097.097.435</i>	<i>11.509.000</i>	<i>2.683.810.678</i>	<i>11.509.000</i>
- BQL Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô	951.347.248	-	951.347.248	-
- Phải thu CBCNV về thuế thu nhập cá nhân	477.157.900	-	1.688.906.854	-
- Phải thu truy thu BHXH	649.813.287	-	-	-
- Các đối tượng phải thu khác	18.779.000	11.509.000	43.556.576	11.509.000
<i>Tạm ứng CBCNV</i>	<i>8.967.230.762</i>	-	<i>5.968.845.218</i>	-
<i>Ký quỹ ký cược ngắn hạn</i>	<i>10.488.919.414</i>	-	<i>10.488.625.814</i>	-
- BQL khu kinh tế công nghiệp Tỉnh Thừa Thiên Huế (*)	10.224.850.000	-	10.224.850.000	-
- Ký quỹ kinh doanh lữ hành quốc tế	254.069.414	-	253.775.814	-
- Ký quỹ thuê văn phòng	10.000.000	-	10.000.000	-
Cộng	21.553.247.611	11.509.000	19.141.281.710	11.509.000

(*) Khoản tiền ký quỹ đối với việc đầu tư xây dựng bến số 02 – Cảng Chân Mây theo thỏa thuận ký quỹ số 50/QĐ-KKTCN với Ban quản lý khu kinh tế, công nghiệp tỉnh Thừa Thiên Huế. Hiện tại, Công ty đã nghiệm thu hoàn thành bến số 2 và đang hoàn tất các thủ tục liên quan với Ban quản lý khu kinh tế công nghiệp Tỉnh Thừa Thiên Huế để thu hồi khoản ký quỹ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Địa chỉ: Thôn Bình An, xã Chân Mây – Lăng Cô, Thành phố Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)

6. Dự phòng nợ phải thu khó đòi

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Các bên liên quan	-	-	-	-
Các tổ chức và cá nhân khác quá hạn trên 3 năm	1.323.227.032	-	1.323.227.032	-
- Công ty TNHH Sơn Tùng	627.329.522	-	627.329.522	-
- Chi nhánh DNTN TM & DV Hoàng Việt	154.849.350	-	154.849.350	-
- Công Ty TNHH MTV TMDV Nguyễn Minh Phương	133.500.000	-	133.500.000	-
- Công ty CP nhựa đường Minh Đạt	144.750.000	-	144.750.000	-
- Công ty TNHH Khai thác Than Đông Bắc	83.858.340	-	83.858.340	-
- Công ty TNHH chống ăn mòn Hải Tấn Lộc	60.724.032	-	60.724.032	-
- Công ty TNHH MTV Xây dựng Khánh Bảo	60.000.000	-	60.000.000	-
- Công ty TNHH TM Văn Minh	24.080.713	-	24.080.713	-
- Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Xây dựng Hồng Kim	17.753.300	-	17.753.300	-
- Công ty CP Vận tải biển và Thương mại Hàng Hải	3.736.256	-	3.736.256	-
- Công ty TNHH Thương mại Vận tải biển Hợp Thành	1.136.519	-	1.136.519	-
- Phải thu khác (Nguyễn Tư)	11.509.000	-	11.509.000	-
Cộng	1.323.227.032	-	1.323.227.032	-

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	3.527.186.359	-	3.581.159.871	-
Công cụ, dụng cụ	2.119.583.215	-	2.143.751.191	-
Hàng hóa	609.838.828	-	366.131.703	-
Cộng	6.256.608.402	-	6.091.042.765	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Địa chỉ: Thôn Bình An, xã Chân Mây – Lăng Cô, Thành phố Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)

8. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn/dài hạn**8a. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí bảo hiểm	248.044.704	196.215.215
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	-	34.799.526
Chi phí thuê văn phòng	-	33.100.286
Cộng	248.044.704	264.115.027

Tình hình biến động chi phí chờ phân bổ ngắn hạn như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Đầu năm	264.115.027	270.140.752
Tăng trong kỳ	256.315.248	445.481.677
Phân bổ trong kỳ	(272.385.571)	(319.302.024)
Cuối kỳ	248.044.704	396.320.405

8b. Chi phí chờ phân bổ dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí sửa chữa tài sản	10.454.870.401	12.554.981.367
Chi phí công cụ dụng cụ	4.210.550.270	4.166.601.484
Cộng	14.665.420.671	16.721.582.851

Tình hình biến động chi phí chờ phân bổ dài hạn như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Đầu năm	16.721.582.851	13.246.808.501
Tăng trong kỳ	4.348.345.589	7.894.208.353
Phân bổ trong kỳ	(6.404.507.769)	(4.614.565.805)
Cuối kỳ	14.665.420.671	16.526.451.049

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Địa chỉ: Thôn Bình An, xã Chân Mây – Lăng Cô, Thành phố Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	P.tiền vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	910.354.131.564	110.922.201.391	33.590.336.909	3.452.098.916	1.058.318.768.780
Tăng trong kỳ	380.591.667	1.213.425.927	4.510.162.000	478.601.852	6.582.781.446
- Do mua sắm	-	-	-	43.416.667	43.416.667
- Do XDCB hoàn thành	380.591.667	1.213.425.927	4.510.162.000	435.185.185	6.539.364.779
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	910.734.723.231	112.135.627.318	38.100.498.909	3.930.700.768	1.064.901.550.226
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	441.384.358.167	98.058.781.526	33.345.776.418	3.064.955.068	575.853.871.179
Khấu hao trong kỳ	15.348.954.734	1.790.223.618	231.341.507	86.958.004	17.457.477.863
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	456.733.312.901	99.849.005.144	33.577.117.925	3.151.913.072	593.311.349.042
Giá trị còn lại					
Số đầu kỳ	468.969.773.397	12.863.419.865	244.560.491	387.143.848	482.464.897.601
Số cuối kỳ	454.001.410.330	12.286.622.174	4.523.380.984	778.787.696	471.590.201.184

Nguyên giá TSCĐ đã hết khấu hao vẫn tiếp tục sử dụng tại ngày 30/06/2026 là: 131.335.587.646 đồng.

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay tại ngày 30/06/2026 là: 305.946.756.828 đồng. (Xem thuyết minh số V.20)

Giá trị còn lại TSCĐ cuối kỳ chờ thanh lý là: 0 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Địa chỉ: Thôn Bình An, xã Chân Mây – Lăng Cô, Thành phố Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình

	Chương trình phần mềm	Tổng cộng
Nguyên giá		
Số đầu năm	2.108.174.785	2.108.174.785
Tăng trong kỳ	31.800.000	31.800.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Số cuối kỳ	2.139.974.785	2.139.974.785
Giá trị hao mòn		
Số đầu năm	1.172.627.417	1.172.627.417
Giảm trong kỳ	197.432.184	197.432.184
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Số cuối kỳ	1.370.059.601	1.370.059.601
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	935.547.368	935.547.368
Số cuối kỳ	769.915.184	769.915.184

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã hết khấu hao vẫn tiếp tục sử dụng tại ngày 30/06/2026 là 184.609.600 đồng.

Không có TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay tại thời điểm 30/06/2026.

Giá trị còn lại TSCĐ vô hình cuối kỳ chờ thanh lý là: 0 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Địa chỉ: Thôn Bình An, xã Chân Mây – Lăng Cô, Thành phố Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển sang chi phí trả trước	Sử dụng dự phòng phải trả	Số cuối kỳ
<i>Xây dựng cơ bản dở dang</i>	8.619.400.000	6.379.197.928	6.539.364.779	673.296.296	-	7.785.936.853
Công trình bến số 2 (GD Hoàn thiện) (*)	4.289.570.707	4.600.162.000	4.510.162.000	-	-	4.379.570.707
PCCC kho bãi mở rộng BS1	2.117.032.408	-	-	-	-	2.117.032.408
Các công trình khác	2.212.796.885	1.779.035.928	2.029.202.779	673.296.296	-	1.289.333.738
<i>Chi phí sửa chữa tài sản</i>	7.354.897.743	10.105.272.207	-	2.264.290.714	707.406.087	14.488.473.149
Sửa chữa bảo trì BS 1 năm 2025	7.007.302.779	6.711.707.407	-	-	-	13.719.010.186
Sửa chữa các tài khoản khác	347.594.964	3.393.564.800	-	2.264.290.714	707.406.087	769.462.963
Cộng	15.974.297.743	16.484.470.135	6.539.364.779	2.937.587.010	707.406.087	22.274.410.002

(*) Là các chi phí lập bản vẽ thiết kế, lập báo cáo đánh giá tác động môi trường đã phát sinh liên quan đến giai đoạn hoàn thiện của Công trình bến số 2.

Không có chi phí lãi vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Địa chỉ: Thôn Bình An, xã Chân Mây – Lăng Cô, Thành phố Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	16.954.916.459	10.333.535.017
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển và Thương mại Gia Vượng	5.631.237.392	2.069.859.034
Công ty TNHH MTV Thương mại dịch vụ CMH Logistics	3.557.472.682	167.071.162
Công ty TNHH MTV Thương mại và dịch vụ Tiến Lộc Phú	2.310.430.931	2.008.436.955
Công ty TNHH Navaco	1.767.272.728	1.697.072.728
Công ty Cổ phần Alpha Pi	1.305.439.798	-
Công Ty Cổ Phần Kết Cấu Thép Và Thiết Bị Nâng Việt Nam	448.757.488	-
Các đối tượng phải trả khác	1.934.305.440	4.391.095.138
Cộng	16.954.916.459	10.333.535.017

Không phát sinh nợ quá hạn chưa thanh toán trong kỳ.

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn/dài hạn**13a. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	638.074.376	461.632.402
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thịnh Phát QN	208.953.913	-
Multimax Shipping Pte Ltd/ Age-Lines Co.,Ltd (VTB Quốc	119.770.927	119.770.927
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Gia Bảo	81.274.368	-
Trả trước các đối tượng khác	228.075.168	341.861.475
Cộng	638.074.376	461.632.402

13b. Người mua trả tiền trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	52.853.485.218	55.117.392.187
Royal Caribbean Cruises Ltd	52.853.485.218	55.117.392.187
Cộng	52.853.485.218	55.117.392.187

14. Phải trả cổ tức, lợi nhuận

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cổ tức/Lợi nhuận phải trả cho các bên liên quan	27.332.824.825	27.332.824.825
Cổ tức phải trả Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy	27.332.824.825	27.332.824.825
Cộng	27.332.824.825	27.332.824.825

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY
 Địa chỉ: Thôn Bình An, xã Chân Mây – Lăng Cô, Thành phố Huế
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	14.907.767.218	(14.907.767.218)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.389.850.872	-	5.064.747.817	(5.389.778.873)	5.064.819.816	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	(494.831.542)	529.279.380	(1.875.532.560)	-	(1.841.084.722)
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	135.795.898	(227.766.851)	-	(91.970.953)
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	(2.005.263)	437.000.000	(437.000.000)	-	(2.005.263)
Cộng	5.389.850.872	(496.836.805)	21.074.590.313	(22.837.845.502)	5.064.819.816	(1.935.060.938)

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho dịch vụ cung ứng tàu biển cung cấp trực tiếp cho tổ chức nước ngoài hoặc thông qua đại lý tàu biển là 0%; cung cấp cho các tổ chức nội địa là 10%. Công ty được áp dụng thuế suất 8% theo Nghị định 174/2025/NĐ-CP ngày 30/06/2025 của Chính phủ.

Các hoạt động khác áp dụng mức thuế suất theo quy định hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

	Kỳ này	Kỳ trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	25.020.903.666	18.972.547.347
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác	302.835.421	2.267.676.062
- Các khoản điều chỉnh tăng	395.234.893	3.386.531.377
+ Các khoản chi phí không hợp lý	368.000.000	80.000.000
+ Các khoản phạt vi phạm hành chính	7.716.281	504.203.241
+ Xử lý công nợ nhỏ lẻ	308.217	2.328.136
+ Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của tiền, nợ phải thu kỳ trước	19.210.395	-
+ Dự phòng sửa chữa tàu lai	-	2.800.000.000
- Các khoản điều chỉnh giảm	92.399.472	1.118.855.315
+ Chi phí lãi vay được chuyển theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP	-	1.108.709.095
+ Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của tiền kỳ này	428.519	10.146.220
+ Giảm 30% tiền thuế đất phải nộp năm 2024 theo QĐ số 323/QĐ-HUE ngày 18/08/2025 đã giảm thuế TNDN vào kỳ 2025	91.970.953	-
Thu nhập tính thuế	25.323.739.087	21.240.223.409
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	5.064.747.817	4.248.044.682
Tổng thuế TNDN phải nộp	5.064.747.817	4.248.044.682

Tiền thuế đất

Tiền thuế đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

16. Phải trả người lao động

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền lương phải trả	29.798.637.011	21.258.343.919
Cộng	29.798.637.011	21.258.343.919

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Địa chỉ: Thôn Bình An, xã Chân Mây – Lăng Cô, Thành phố Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các tổ chức, cá nhân khác</i>	3.396.138.538	2.161.343.100
Chi phí lãi vay phải trả	2.115.488.995	2.161.343.100
Chi phí thuê băng tải	514.902.243	-
Chi phí vệ sinh bãi, trạm cân hàng, phương tiện vận tải	391.626.252	-
Chi phí khác (tiền điện, ...)	374.121.048	-
Cộng	3.396.138.538	2.161.343.100

18. Doanh thu chờ phân bổ

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Doanh thu chờ phân bổ liên quan đến các tổ chức và cá nhân khác</i>	3.344.241.899	201.764.943
Công ty Cổ phần Alpha Pi	551.534.522	201.764.943
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật & Logistics Sao Vàng	2.792.707.377	-
Cộng	3.344.241.899	201.764.943

19. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	16.684.922.964	16.684.922.964
Lãi vay phải trả Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy	16.684.922.964	16.684.922.964
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	2.920.360.889	1.463.800.856
Kinh phí công đoàn	715.951.924	294.920.620
BHXX, BHYT, BHTN	1.933.360.552	-
Nhận ký cược, ký quỹ ngắn hạn	40.000.000	-
Các khoản phải trả khác	231.048.413	1.168.880.236
Cộng	19.605.283.853	18.148.723.820

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Địa chỉ: Thôn Bình An, xã Chân Mây – Lăng Cô, Thành phố Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)

20. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn

a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn đến hạn trả	9.770.000.000	9.770.000.000	19.540.000.000	19.540.000.000
NH TMCP Công thương Việt Nam - CN Thừa Thiên Huế	9.770.000.000	9.770.000.000	19.540.000.000	19.540.000.000
Cộng	9.770.000.000	9.770.000.000	19.540.000.000	19.540.000.000

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Kết chuyển từ nợ vay dài hạn	Số cuối kỳ
Vay dài hạn đến hạn trả	19.540.000.000	-	(9.770.000.000)	-	9.770.000.000
NH TMCP Công thương Việt Nam - CN Thừa Thiên Huế	19.540.000.000	-	(9.770.000.000)	-	9.770.000.000
Cộng	19.540.000.000	-	(9.770.000.000)	-	9.770.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Địa chỉ: Thôn Bình An, xã Chân Mây – Lăng Cô, Thành phố Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)

b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn ngân hàng NH TMCP Công thương Việt Nam - CN Thừa Thiên Huế	141.661.269.253	141.661.269.253	141.661.269.253	161.201.269.253
	141.661.269.253	141.661.269.253	141.661.269.253	161.201.269.253
	141.661.269.253	141.661.269.253	141.661.269.253	161.201.269.253

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Kết chuyển sang nợ vay ngắn hạn	Số cuối kỳ
Vay dài hạn ngân hàng NH TMCP Công thương Việt Nam - CN Thừa Thiên Huế	141.661.269.253 141.661.269.253	- -	- -	- -	141.661.269.253 141.661.269.253
Cộng	141.661.269.253	-	-	-	141.661.269.253

Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Huế theo Hợp đồng tín dụng số 01/2018/HĐCVDĐT/NHCT460-CANGCHANMAY ngày 19/10/2018. Hạn mức vay là 268.980.000.000 đồng nhưng không vượt quá 70% tổng vốn đầu tư thực tế của Dự án (bao gồm thuế GTGT và chi phí lãi vay trong thời gian thi công), thời hạn vay là 180 tháng từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên (từ ngày 16/01/2019 đến ngày 16/01/2034). Thời gian ân hạn là 18 tháng, hết thời gian ân hạn, nợ gốc được trả 3 tháng một lần, trả làm 54 kỳ. Lãi suất được xác định như sau:

Trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên: 8%/năm;

Từ tháng thứ 13 đến hết tháng thứ 24: 8,5%/năm;

Từ tháng thứ 25 đến tháng thứ 96: lãi suất cho vay được xác định bằng lãi suất huy động tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng Công thương Việt nam cộng (+) biên độ 2,5%/năm;

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Địa chỉ: Thôn Bình An, xã Chân Mây – Lăng Cô, Thành phố Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)

Từ tháng thứ 97 đến hết tháng thứ 180: lãi suất cho vay được xác định bằng lãi suất huy động tiết kiệm VNĐ kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của Ngân hàng Công Thương Việt nam cộng (+) biên độ 3,5%/năm và không thấp hơn sản lãi suất cho vay hiện hành của Ngân hàng Công Thương Việt Nam tại thời điểm đó.

Mục đích sử dụng tiền vay: đầu tư thực hiện Dự án đầu tư Bến số 2 – Cảng Chân Mây giai đoạn 1 tại vịnh Chân Mây, xã Chân Mây – Lăng Cô, Thành phố Huế. Khoản vay này được bảo đảm bằng toàn bộ tài sản hình thành từ dự án, bao gồm tất cả công trình xây dựng, máy móc thiết bị thuộc Bến số 2 – Cảng Chân Mây giai đoạn 1 và các tài sản khác đủ điều kiện nhận theo quy định của Bên cho vay. Đồng thời nhận thể chấp bổ sung các tài sản là: Quyền sử dụng đất của toàn bộ dự án và lưu giữ toàn bộ bản chính hồ sơ pháp lý của dự án; các quyền tài sản phát sinh trong quá trình thực hiện dự án như quyền tài sản đối với các hợp đồng thi công xây dựng, hợp đồng mua/nhập khẩu máy móc thiết bị, quyền thụ hưởng bảo hiểm và các quyền khác theo quy định của Pháp luật (xem thuyết minh số V.9).

Công ty không có các khoản vay và nợ thuế tài chính quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Địa chỉ: Thôn Bình An, xã Chân Mây – Lăng Cô, Thành phố Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

21. Dự phòng phải trả ngắn hạn

	Số đầu năm	Trích lập trong kỳ	Số hoàn nhập trong kỳ	Số cuối kỳ
Dự phòng chi phí sửa chữa, bảo dưỡng TSCĐ định kỳ	6.657.406.087	-	(707.406.087)	5.950.000.000
Dự phòng sửa chữa cầu cảng	2.000.000.000	-	-	2.000.000.000
Dự phòng sửa chữa tàu lai	707.406.087	-	(707.406.087)	-
Dự phòng nạo vét bến số 1	3.950.000.000	-	-	3.950.000.000
Cộng	6.657.406.087	-	(707.406.087)	5.950.000.000

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	1.523.108.185	2.381.749.248	-	3.904.857.433
Quỹ phúc lợi	1.888.937.622	5.954.373.120	(567.427.200)	7.275.883.542
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	-	714.524.774	(714.524.774)	-
Cộng	3.412.045.807	9.050.647.142	(1.281.951.974)	11.180.740.975

23. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	324.054.150.000	27.259.580.782	8.802.280.827	360.116.011.609
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	15.284.502.665	15.284.502.665
Trích lập các quỹ	-	1.760.456.165	(3.961.026.372)	(2.200.570.207)
Chia cổ tức cho các cổ đông	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ trước	324.054.150.000	29.020.036.947	20.125.757.120	373.199.944.067
Số dư đầu năm nay	324.054.150.000	29.020.036.947	23.830.340.099	376.904.527.046
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	19.956.155.849	19.956.155.849
Trích lập các quỹ	-	9.526.996.992	(18.577.644.134)	(9.050.647.142)
Chia cổ tức cho các cổ đông	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ này	324.054.150.000	38.547.033.939	25.208.851.814	387.810.035.753

Phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 09/04/2026 gồm trích lập quỹ đầu tư và phát triển với tỷ lệ 40% lợi nhuận sau thuế tương đương 9.526.996.992 đồng, trích lập quỹ khen thưởng với tỷ lệ 10% tương đương 2.381.749.248 đồng; trích lập quỹ phúc lợi với tỷ lệ 25% lợi nhuận sau thuế

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Địa chỉ: Thôn Bình An, xã Chân Mây – Lăng Cô, Thành phố Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)

tương đương 5.954.373.120 đồng; trích thưởng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Tổ Thư ký tỷ lệ 3% tương đương 714.524.774 đồng.

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Tỷ lệ vốn góp (%)	Vốn góp	Tỷ lệ vốn góp (%)	Vốn góp
Vốn góp của cổ đông Nhà nước - Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy	98,89%	320.444.250.000	98,89%	320.444.250.000
Vốn góp của các cổ đông khác	1,11%	3.609.900.000	1,11%	3.609.900.000
Cộng	100,00%	324.054.150.000	100,00%	324.054.150.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này	Kỳ trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	324.054.150.000	324.054.150.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	324.054.150.000	324.054.150.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	32.405.415	32.405.415
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	32.405.415	32.405.415
- Cổ phiếu thường	32.405.415	32.405.415
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu thường	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	32.405.415	32.405.415
- Cổ phiếu thường	32.405.415	32.405.415
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

24. Các khoản mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính**a. Ngoại tệ**

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại		
- USD	19.878,44	19.898,24

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Địa chỉ: Thôn Bình An, xã Chân Mây – Lăng Cô, Thành phố Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)

b. Nợ khó đòi đã xử lý

Tên đối tượng	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn Dương Vinashin	2.171.369.272	2.171.369.272
Tổng cộng	2.171.369.272	2.171.369.272

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (ĐV TÍNH: VND)**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu cung cấp dịch vụ	214.511.679.439	172.221.000.853
Doanh thu bán hàng hóa	23.968.668.225	15.674.523.645
Cộng	238.480.347.664	187.895.524.498

2. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này	Kỳ trước
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	153.025.320.580	117.847.400.500
Giá vốn của hàng hóa đã bán	22.879.938.776	14.855.585.862
Cộng	175.905.259.356	132.702.986.362

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.057.180.454	774.394.466
Chiết khấu	14.498.500	16.941.010
Lãi chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	-	341.305
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư cuối kỳ	428.519	10.146.220
Cộng	1.072.107.473	801.823.001

4. Chi phí tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí lãi vay	6.170.854.204	6.354.917.208
Cộng	6.170.854.204	6.354.917.208

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Địa chỉ: Thôn Bình An, xã Chân Mây – Lăng Cô, Thành phố Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)

5. Chi phí bán hàng

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí cho nhân viên	795.116.691	956.457.522
Chi phí khấu hao tài sản cố định	48.057.759	48.057.759
Chi phí dịch vụ mua ngoài	92.248.147	361.584.002
Chi phí bằng tiền khác	53.148.149	119.444.443
Cộng	988.570.746	1.485.543.726

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên quản lý	19.496.576.351	15.269.936.267
Chi phí đồ dùng văn phòng	745.238.215	664.940.105
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.019.379.677	904.197.050
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.581.870.133	2.279.571.635
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	1.509.000
Chi phí khác bằng tiền	7.706.200.883	9.868.648.746
Cộng	31.549.265.259	28.988.802.803

7. Thu nhập khác

	Kỳ này	Kỳ trước
Tiền bồi thường	-	225.197.000
Xử lý công nợ nhỏ lẻ	785.869	88.784.324
Tiền thuê đất	91.970.953	-
Cộng	92.756.822	313.981.324

8. Chi phí khác

	Kỳ này	Kỳ trước
Phạt vi phạm hành chính	8.433.036	504.203.241
Chi phí khác	1.925.692	2.328.136
Cộng	10.358.728	506.531.377

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Địa chỉ: Thôn Bình An, xã Chân Mây – Lăng Cô, Thành phố Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)

9. Lãi trên cổ phiếu**9a. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Kỳ này	Kỳ trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	19.956.155.849	15.284.502.665
- Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	(7.583.339.223)	(5.808.111.013)
+ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(7.583.339.223)	(5.808.111.013)
- LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	12.372.816.626	9.476.391.652
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	32.405.415	32.405.415

Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng /cổ phiếu)**382****292**

(*) Điều chỉnh chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025 do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2025 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 09/04/2026. Tỷ lệ trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2025 là 38%. Theo đó, chỉ tiêu “Lãi cơ bản trên cổ phiếu” cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2025 là 292 đồng/ cổ phiếu thay vì 472 đồng/ cổ phiếu như đã trình bày trong Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2025.

(*) Lãi cơ bản trên cổ phiếu 06 tháng đầu năm 2026 được tính theo lợi nhuận sau thuế đã trừ khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi. Quỹ khen thưởng, phúc lợi kỳ này được tạm tính theo tỷ lệ tương đương cùng kỳ năm trước.

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu kỳ	32.405.415	32.405.415
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	32.405.415	32.405.415

9b. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Kỳ này	Kỳ trước
- Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	12.372.816.626	9.476.391.652
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận:		
+ Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi	-	-
- Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	12.372.816.626	9.476.391.652
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	32.405.415	32.405.415
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	382	292

9c. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.108.777.701	6.007.584.723
Chi phí nhân công	58.890.783.115	47.983.796.311
Chi phí khấu hao tài sản cố định	17.654.910.047	17.813.956.416
Chi phí dịch vụ mua ngoài	89.102.028.774	62.608.656.907
Chi phí bằng tiền khác	11.605.814.504	10.906.243.672
Cộng	184.362.314.141	145.320.238.029

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (ĐV TÍNH: VND)

1. Tiền trả nợ gốc vay

	Kỳ này	Kỳ trước
Tiền chi trả nợ vay theo kế ước thông thường	(9.770.000.000)	(9.770.000.000)
Cộng	(9.770.000.000)	(9.770.000.000)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Địa chỉ: Thôn Bình An, xã Chân Mây – Lăng Cô, Thành phố Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

STT	Thành viên Ban lãnh đạo	Chức danh	Kỳ này			
			Lương, thưởng	Thù lao	Cổ tức	Cộng
1	Nguyễn Tiến Đạt	Chủ tịch HĐQT		60.000.000	72.354.129	132.354.129
2	Huỳnh Văn Toàn	Thành viên HĐQT kiêm TGD	264.825.000	30.000.000	119.057.607	413.882.607
3	Lê Chí Phai	Thành viên HĐQT kiêm P.TGD	220.687.500	30.000.000	76.298.006	326.985.506
4	Hồ Hoàng Thi	Phó Tổng giám đốc	220.687.500		100.298.006	320.985.506
5	Nguyễn Thành Công	Phó Tổng giám đốc	220.687.500		76.298.006	296.985.506
6	Nguyễn Văn Chương	Phó Tổng giám đốc	220.687.500		100.298.006	320.985.506
7	Ngô Khánh Toàn	Kế toán trưởng	220.687.500		100.298.006	320.985.506
8	Phan Tuấn Anh	Trưởng ban kiểm soát	220.687.500		76.298.006	296.985.506
9	Nguyễn Công Định	Thành viên BKS		18.000.000	15.466.183	33.466.183
10	Đoàn Quang Vũ	Thành viên BKS	115.028.498		27.966.183	142.994.681
11	Hoàng Trung Chính	Tổ trưởng tổ thư ký	152.632.480	9.000.000	24.099.637	185.732.117
	Tổng cộng		1.856.610.978	147.000.000	788.731.773	2.792.342.751

STT	Thành viên Ban lãnh đạo	Chức danh	Kỳ trước			
			Lương, thưởng	Thù lao	Cổ tức	Cộng
1	Dương Bá Hòa	Chủ tịch HĐQT	234.261.904	-	-	234.261.904
2	Huỳnh Văn Toàn	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	255.371.428	18.000.000	-	273.371.428
3	Trần Văn Phong	Thành viên HĐQT	189.809.524	-	-	189.809.524
4	Hồ Hoàng Thi	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	213.809.524	18.000.000	-	231.809.524
5	Nguyễn Tiến Đạt	Thành viên HĐQT	-	18.000.000	-	18.000.000
6	Ngô Khánh Toàn	Kế toán trưởng	213.809.524	-	-	213.809.524
7	Nguyễn Thành Công	Phó Tổng giám đốc	189.809.524	-	-	189.809.524
8	Nguyễn Văn Chương	Phó Tổng giám đốc	213.809.524	-	-	213.809.524
9	Lê Chí Phai	Phó Tổng giám đốc	189.809.524	-	-	189.809.524
10	Phan Tuấn Anh	Trưởng ban kiểm soát	189.809.524	-	-	189.809.524
11	Nguyễn Công Định	Thành viên BKS	-	12.000.000	-	12.000.000
12	Đoàn Quang Vũ	Thành viên BKS	112.261.900	-	-	112.261.900
	Tổng cộng		2.002.561.900	66.000.000	-	2.068.561.900

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Bên liên quan khác với Công ty chỉ có Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy là công ty mẹ với tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết tương ứng 98,89%.

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Tên Công ty	Mối quan hệ
Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy	Công ty mẹ

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Địa chỉ: Thôn Bình An, xã Chân Mây – Lăng Cô, Thành phố Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

Tên Công ty	Kỳ này	Kỳ trước
Chi trả cổ tức		
Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy	-	5.000.000.000

Giao dịch với các bên liên quan khác

Tên Công ty	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả ngắn hạn khác		
Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy	16.684.922.964	16.684.922.964
- Phải trả lãi vay	16.684.922.964	16.684.922.964
Cổ tức phải trả		
Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy	27.332.824.825	27.332.824.825

2. Cam kết bảo lãnh

Theo thỏa thuận ngày 26/05/2015 và Phụ lục gia hạn ngày 26/05/2025 giữa Công ty THHH Một thành viên Cảng Chân Mây (nay là Công ty Cổ phần Cảng Chân Mây) và Hãng Du lịch Tàu biển Royal Caribbean, Royal Caribbean sẽ được ưu tiên sử dụng bến cập tàu và phải trả trước phí dịch vụ và phí hành khách nhằm hỗ trợ tài chính cho việc thi công dự án mở rộng và nâng cấp bến cập tàu của Cảng Chân Mây. Giá trị trả trước này sẽ được trừ dần vào phí dịch vụ và phí hành khách thực tế phát sinh từng lần. Trừ trường hợp chấm dứt trước thời hạn, thỏa thuận này có thời hạn kéo dài thêm 12 năm kể từ ngày 26/05/2025.

3. Báo cáo bộ phận

Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Địa chỉ: Thôn Bình An, xã Chân Mây – Lăng Cô, Thành phố Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)

	Hoạt động dịch vụ tàu biển	Hoạt động kinh doanh xăng dầu	Cộng
Kỳ này			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	214.511.679.439	23.968.668.225	238.480.347.664
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	214.511.679.439	23.968.668.225	238.480.347.664
Giá vốn bộ phận	153.025.320.580	22.879.938.776	175.905.259.356
Lợi nhuận gộp bộ phận	61.486.358.859	1.088.729.449	62.575.088.308
Kỳ trước			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	172.221.000.853	15.674.523.645	187.895.524.498
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	172.221.000.853	15.674.523.645	187.895.524.498
Giá vốn bộ phận	117.847.400.500	14.855.585.862	132.702.986.362
Lợi nhuận gộp bộ phận	54.373.600.353	818.937.783	55.192.538.136

Trong kỳ, toàn bộ hoạt động của Công ty đều được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam.

4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Báo cáo tình hình tài chính là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2025 đã được soát xét bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng. Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 Công ty đã áp dụng Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các thông tư có liên quan. Công ty đã trình bày lại các thay đổi về mã số và các số liệu so sánh theo quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này. Số liệu so sánh được trình bày lại như sau:

Báo cáo tình hình tài chính	Số liệu tại ngày 01/01/2026 trình bày lại		Số liệu tại ngày 31/12/2025 được kiểm toán		Chênh lệch
	Mã số	Số tiền	Mã số	Số tiền	
Các khoản tương đương tiền	112	67.202.952.969	112	67.000.000.000	202.952.969
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	23.142.294.291	123	23.000.000.000	142.294.291
Phải thu ngắn hạn khác	135	19.141.281.710	136	19.486.528.970	(345.247.260)
Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313	27.332.824.825	-	-	27.332.824.825
Phải trả ngắn hạn khác	320	18.148.723.820	319	45.481.548.645	(27.332.824.825)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Địa chỉ: Thôn Bình An, xã Chân Mây – Lăng Cô, Thành phố Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)

5. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Không có những yếu tố đưa đến sự nghi ngờ về khả năng hoạt động kinh doanh liên tục của Công ty và các biện pháp, cam kết đảm bảo cho sự hoạt động trong thời gian tới của Công ty.

6. Các Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Thành phố Huế ngày 06 tháng 08 năm 2026



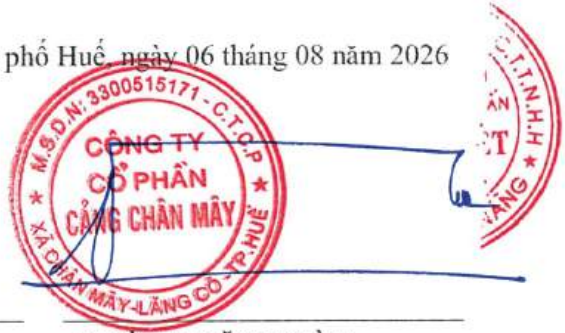
BÙI THỊ NGỌC LINH

Người lập biểu



NGÔ KHÁNH TOÀN

Kế toán trưởng



HUYNH VĂN TOÀN

Tổng Giám đốc